TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 200/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2022
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tài
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ghên;
Bà Lê Thị Thu Ba.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 614/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 về "*tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp A 2, xã T, huyện V, tỉnh V.

Cùng tạm trú: ấp B 2, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(bà H và ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022 do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H ký tên và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Võ Minh T có tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh V vào ngày 29/3/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên bà và ông T ly thân nhau từ năm 2020 cho

đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Minh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2021. Khi ly hôn bà đồng ý để con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc về cấp dưỡng nuôi con bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Minh T trình bày: ông thống nhất theo lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về tình cảm vợ chồng thì ông T thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân nhau. Nay bà H kiên quyết xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn với bà H vì ông còn thương vợ, con.

Về con chung: Trường hợp Tòa án có căn cứ cho ông và bà H ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Võ Minh K, yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà H là ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] .Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Võ Minh T có hộ khẩu thường trú tại ấp B 2, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Võ Minh T nên bà H được xác định là nguyên đơn, ông Võ Minh T là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3] Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà H cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà và ông T nên quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông T là hợp pháp theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Pháp luật được áp dụng giải quyết

là Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: xét hôn nhân giữa bà H và ông T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, bà H xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà H và ông T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có thời gian ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí đoàn tụ hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với ông T. Đối với ông T, ông xin được đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng việc yêu cầu của ông không được bà H chấp nhận. Xét thấy, về mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông T là có xảy ra cho nên giữa bà H và ông T đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tại thời điểm này giữa bà H và ông T vẫn còn ly thân, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với ông Võ Minh T là có căn cứ.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông T thỏa thuận được nuôi con chung và khoảng cấp dưỡng nuôi con chung là sau khi ly hôn ông Võ Minh T được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2021, về cấp dưỡng nuôi con chung bà H tự nguyện cấp dưỡng con cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng. xét thấy. việc tự nguyện nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con giữa bà H và ông T là không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con giữa bà H với ông T.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông T thống nhất xác định tài sản chung và nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" đối với ông Võ Minh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Võ Minh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Võ Minh K, sinh ngày 05/8/2021. Bà Nguyễn Thị Ngọc H cấp dưỡng cho cháu Võ Minh K mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Võ Minh K trưởng thành.

Các bên được quyền tới lui thăm non và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Võ Minh T xác định tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Võ Minh T xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006903 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An để thi hành. Bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa
- Uỷ ban nhân dân thị trấn C,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Tài